| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

BẢN ÁN SỐ: 210/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Còn;

2. Ông Nguyễn Văn Bình.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 2002;

Căn cước công dân số: 072302003309, ngày cấp: 16-5-2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: khu phố L, phường A, tỉnh Tây Ninh;

*Bị đơn*: Anh Trần Minh C, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số: 072088006567, ngày cấp: 28-8-2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: khu phố B, phường G, tỉnh Tây Ninh.

*Chị T xin vắng mặt; anh C có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, chị Trần Thị T trình bày:* Chị và anh Trần Minh C chung sống vợ chồng từ năm 2022, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, không ai ép

buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Tây Ninh). Nữ trang vàng cưới 01 lắc tay vàng 24K, 01 cặp nhẫn cưới vàng 24K có tổng trọng lượng là 10 chỉ vàng 24K, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã bán sinh hoạt chung trong gia đình. Sau khi cưới vợ chồng sống chung bên gia đình cha mẹ ruột anh C tại khu phố B, phường G, tỉnh Tây Ninh. Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Chí C1 bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh C không thay đổi, vẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Ngọc T1, sinh ngày 19-3-2023 hiện đang sống chung với anh C. Chị đồng ý giao cho anh C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và xin vắng mặt.

*Bị đơn, anh Trần Minh C trình bày:* Anh và chị Trần Thị Tuyết C2 sống từ năm 2022, có qua tìm hiểu trước, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo chị T trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, anh nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác, vẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cả hai không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh còn thương vợ con, nên anh xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung Trần Ngọc T1, sinh ngày 19-3-2023 hiện đang sống chung với anh là đúng. Anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trần Minh C.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T1, sinh ngày 19-3-2023 cho anh Trần Minh C nuôi dưỡng. Ghi nhận anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân: Được tính theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa anh Trần Minh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết . Do chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Minh C.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C thống nhất có 01 con chung Trần Ngọc T1, sinh ngày 19-3-2023 hiện đang sống chung với anh C. Chị T đồng ý giao cho anh C được quyền trực tiếp nuôi con, anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử giao cho anh C được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh là có căn cứ.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên***,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trần Minh C.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Minh C.

Về con chung: Anh Trần Minh C được quyền trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc T1, sinh ngày 19-3-2023 hiện đang sống chung với anh C. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008024 ngày 16-4-2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh được khấu trừ.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN VĂN TÂM**